

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2021/DS-ST

Ngày: 17-9-2021

V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vũ Xuân Thụ.

- Ông Võ Ánh Sửu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ Mi Niê Kđăm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Ksor Y Kơn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2021/TLST - DS, ngày 30 tháng 3 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2021/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2021/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số đường Nam Kỳ Khởi N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần K - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ea H'Leo theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 3979/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020 của tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: Số 435 đường G, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Thôn 7, xã Ea R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; cùng vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2000 và anh Nguyễn Văn K, sinh năm 2003 (người đại diện cho Nguyễn Văn K – ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Tuyết N là cha mẹ anh K); cùng địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc người đại diện cho nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là ngân hàng S) trình bày:

Ngày 14/6/2019, ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Tuyết N có ký Hợp đồng tín dụng số LD 1916300456 với ngân hàng S (Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch Ea H'Leo) để vay số tiền là: 510.000.000.000 đồng; mục đích sử dụng là sản xuất nông nghiệp; lãi suất vay 10,5%/năm tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng; thời hạn vay là 12 tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên ông T, bà N đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 0866/2019/TC/EHL ngày 14/6/2019 với ngân hàng Sài Gòn Thương Tín. Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng 14.916m² đất, thuộc thửa đất số 23, 68, 69, tờ bản đồ số 43 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: V122082, số vào sổ cấp GCN: EH385230 do Ủy ban nhân dân huyện Ea H'Leo cấp ngày 03/12/2002 cho hộ ông Nguyễn Văn T, địa chỉ thửa đất tại thôn 7, xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình vay vốn, ông T, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cũng như nợ lãi, ngân hàng S đã nhiều lần liên hệ làm việc trực tiếp, thông báo nợ quá hạn, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, cho đến nay ông T, bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho ngân hàng, vi phạm các nội dung thỏa thuận mà hai bên đã ký kết.

Để đảm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, ngân hàng S đề nghị Tòa án xem xét giải quyết các yêu cầu sau:

Buộc ông T, bà N phải trả cho ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/01/2021 là: nợ gốc là 510.000.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn là 88.772.137 đồng, tiền lãi vượt trong hạn 22.599.083 đồng. Trong thời gian chậm trả ông T, bà N phải chịu số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng mà ông T, bà N đã ký với ngân hàng S cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông T, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng yêu cầu nêu trên thì ngân hàng S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Về án phí dân sự và chi phí tố tụng khác: Yêu cầu ông T, bà N phải trả toàn bộ án phí dân sự và các chi phí tố tụng khác.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Tuyết Nhung; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành làm việc được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý

vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc ông T, bà N phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số nợ gốc 510.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Cần chấp nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà ngân hàng S với ông T, bà N đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Tuyết N là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do ông T, bà N, anh Đ và anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt; mặt khác, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng cho nguyên đơn cũng yêu cầu không tiến hành hòa giải, theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự với ông T, bà N được.

Sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Tuấn, bà Nhung, anh Đồng và anh Khoa đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn không đến tham gia. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: Ngày 14/6/2019, ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Tuyết N có ký Hợp đồng tín dụng số LD 1916300456 với ngân hàng S để vay số tiền là 510.000.000.000 đồng; mục đích là để sản xuất nông nghiệp; lãi suất vay cho vay là 10,5%/năm tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng; thời hạn vay là 12 tháng. Ngân hàng S đã giải ngân 510.000.000 đồng cho ông T, bà N. Đến hạn thanh toán, ông T, bà N không thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc và lãi suất như thỏa thuận.

Xét thấy, việc thiết lập hợp đồng tín dụng nêu trên giữa ngân hàng S với ông T, bà N tuy không có công chứng, chứng thực nhưng trong hợp đồng thế chấp tài sản số 0886/2019/TC/EHL ngày 14/6/2019 giữa ngân hàng thương mại cổ phần S với ông T, bà N được công chứng tại Văn phòng công chứng Lê Văn Thông, số công chứng 581, quyển 02, ngày 06/7/2018, tại Điều 1 của hợp đồng có dẫn chiếu như sau: *“Nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của bên vay đối với S được quy định tại hợp đồng cho vay số: LD 1916300456 ngày 14/6/2019 ký kết giữa S và bên vay và các văn bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng nêu trên nếu có...”*, nên theo quy

định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đó là những tình tiết không phải chứng minh.

Như vậy, việc ông T, bà N có ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên với ngân hàng S là có thật, việc thiết lập hợp đồng vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ngân hàng S đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự nhưng ông T, bà N đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Việc ông T, bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng S, nên Ngân hàng yêu cầu ông T, bà N phải trả nợ gốc 510.000.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn là 123.781.891 đồng, tiền lãi vượt trong hạn 41.559.555 đồng (tính đến ngày 17/9/2021) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Đối với hợp đồng thế chấp tài sản: Bảo đảm tiền vay ông T, bà N đã ký với ngân hàng thương mại cổ phần S hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0886/2019/TC/EHL ngày 14/6/2019. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 14.916m² đất, thuộc thửa đất số 23, 68, 69, tờ bản đồ số 43 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: V122082, số vào sổ cấp GCN: EH385230 do Ủy ban nhân dân huyện Ea H'Leo cấp ngày 03/12/2002 cho hộ ông Nguyễn Văn T, địa chỉ thửa đất tại thôn 7, xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên được công chứng tại Văn phòng công chứng Lê Văn Thông. Như vậy, hợp đồng thế chấp tài sản trên được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của ngân hàng thương mại cổ phần S được chấp nhận nên cần buộc ông T, bà N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp tạm ứng. Vì vậy, ông T, bà N có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[5] Về án phí dân sự: Do yêu cầu của ngân hàng thương mại cổ phần S có căn cứ nên cần buộc ông T, bà N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cần trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự cho ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147; Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 266; Điều

273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 463, khoản 1 Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 33, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 40, Điều 48, Điều 54 của Luật Công chứng 2014. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Tuyết N phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền là 675.341.446 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm bốn mươi sáu đồng); trong đó, tiền nợ gốc là 510.000.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn là 123.871.891 đồng; tiền lãi vượt trong hạn 41.559.555 đồng (lãi tạm tính đến ngày 17/9/2021).

Kể từ ngày 18/9/2021 ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Tuyết N còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Tuyết N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho ngân hàng thương mại cổ phần S thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 14.916m² đất, thuộc thửa đất số 23, 68, 69, tờ bản đồ số 43 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: V122082, sổ vào sổ cấp GCN: EH385230 do Ủy ban nhân dân huyện Ea H'Leo cấp ngày 03/12/2002 cho hộ Nguyễn Văn T, địa chỉ thửa đất tại thôn 7, xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk để thu hồi nợ.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Tuyết N phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền này ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp tạm ứng nên ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Tuyết N phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Tuyết N chịu 31.013.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ngân hàng thương mại cổ phần S 14.387.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2020/0000225, ngày 24/3/2021 (do Lê Xuân Thành nộp thay).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S, bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Tuyết N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản

án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa